

# Unit 3

## Cấu trúc bài viết và các bước làm bài

### 1. Cấu trúc bài viết

Một bài viết Task 1 thường được chia ra thành 4 phần (4 đoạn):

|          |                                                                  |
|----------|------------------------------------------------------------------|
| Mở bài   | • 1 câu - Viết lại đề bài theo cách khác                         |
| Overview | • 1-2 câu - Tóm tắt một hay hai điểm đáng chú ý nhất của biểu đồ |
| Detail 1 | • 3-4 câu - Mô tả nhóm thông tin 1                               |
| Detail 2 | • 3-4 câu - Mô tả nhóm thông tin 2                               |

Ví dụ

*The chart shows the annual GDP growth rates in 3 countries from 2007 to 2010.*



## Bài mẫu

The chart gives data about the yearly rate of GDP growth in Tunisia, Japan and Ecuador from 2007 to 2010.

Introduction

It can be seen that the rate of GDP growth in Japan increased steadily while the figures for the other two nations experienced a decline over the period.

Overview

Looking at the chart in more detail, the Japanese yearly rate of growth in GDP experienced a gradual rise, from 2% in the year 2007 to just under 7% in 2010. Meanwhile, there was a continual decrease in Tunisia's figures throughout the period, from approximately 6% to only 3%, which was much lower than that of Japan.

Detail paragraph 1

Starting at 3% in the first year of the period, the percentage of GDP growth in Ecuador rose to over 4% the next year, followed by a significant drop to only 1% in 2009. This figure soon recovered to roughly 2% in 2010, which was the lowest among the three countries.

Detail paragraph 2

## 2. Các bước viết bài

3 bước viết bài miêu tả biểu đồ:

**Bước 1 - Phân tích tổng quát:** Đọc hiểu chủ đề và các yêu cầu cơ bản của đề bài, bao gồm: Đối tượng của biểu đồ, đơn vị tính và mốc thời gian mà số liệu được thu thập.

**Bước 2 - Phân tích chi tiết và tổng hợp thông tin:** Phân tích biểu đồ, chọn lọc các đặc điểm nổi bật và sắp xếp các đặc điểm đó vào các đoạn văn.

**Bước 3 - Hoàn thiện bài viết:** Viết bài dựa vào sự tổng hợp và sắp xếp thông tin ở bước 2.

## Bước 1: Phân tích tổng quát

Đây là bước rất quan trọng trước khi bắt tay vào viết bài mà nhiều học sinh hay bỏ qua, dẫn đến những lỗi sai "hệ thống" cho cả bài, ví dụ về đối tượng của bài, về thì của động từ,...

Thí sinh nên dành 1-2 phút để phân tích đề bằng cách trả lời những câu hỏi sau:

- Đối tượng (chủ ngữ) của biểu đồ là gì?
- Đơn vị là gì?
- Có mốc hay khoảng thời gian không? Thì của động từ?

Ví dụ:

*The chart below shows male and female fitness membership between 1970 and 2000.*



**Phân tích đề:**

- Đối tượng (chủ ngữ) là gì?

Để xác định đúng đối tượng ứng với số liệu, căn cứ đầu tiên có thể thấy ngay ở đề bài là "male and female fitness membership". Bản thân từ "membership" mang nghĩa "số lượng thành viên" nên ta có thể viết: "Female fitness membership was 1000 in 1970"

Ngoài ra khi muốn đề cập đến số lượng của một danh từ đếm được, ta có thể dùng "the number of", vì vậy, cũng có thể viết "The number of females involved in fitness activities was 1000 in 1970."

- Đơn vị là gì?

Đơn vị ở đây là người.

- Có mốc hay khoảng thời gian không? Thì của động từ?

Số liệu của biểu đồ này được ghi lại trong giai đoạn 1970-2000 → chia thì quá khứ.



## Chú ý:

Phân biệt cách dùng các chủ ngữ thường gặp trong biểu đồ: **The number of..., the amount of..., The proportion of...**

| Chủ ngữ                                                                                                                       | Ví dụ sử dụng                                                                                                                             |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| The number of + Countable noun (plural) + V (singular): Số lượng (danh từ đếm được)                                           | The number of students at ZIM increases by about 1000 every year.                                                                         |
| The amount of + Uncountable noun + V (singular): Lượng (danh từ không đếm được)                                               | The amount of electricity produced from nuclear power increased gradually to 2 million KWh.                                               |
| The percentage of + Noun (countable or uncountable) + V (singular): Tỷ lệ của (danh từ đếm được hoặc không đếm được)          | The percentage of electricity produced from nuclear power increased by 10% in 2010.                                                       |
| The proportion of + Noun (countable or uncountable) + V (singular): Tỷ trọng của (danh từ đếm được hoặc không đếm được)       | The proportion of boys joining Math classes is 10% higher than that of girls.                                                             |
| The figure(s) for + Noun (countable or uncountable) + V (singular/plural): Số liệu cho (danh từ đếm được hoặc không đếm được) | The figure for visitors to Vietnam was 20 million in 2015.<br>The figure for unemployment in Vietnam was over 15 thousand people in 2010. |

## Bước 2: Phân tích chi tiết và tổng hợp thông tin

### Bước 2.1 Viết câu mở bài

Nội dung của phần mở bài là câu trả lời cho câu hỏi: Các biểu đồ trình bày về cái gì? Hãy bắt đầu bài viết với 1 câu mở đầu bằng cách viết lại ý của câu hỏi với ngôn từ của mình (paraphrasing).

Ví dụ:

*The chart shows the average number of commuters travelling each day by car, bus or train in the UK between 1970 and 2000.*

Phân tích các thành phần của đề bài này để tiến hành paraphrase.

|          | Subject   | Verb        | What                                                                     | Where     | When                       |
|----------|-----------|-------------|--------------------------------------------------------------------------|-----------|----------------------------|
| Đề bài   | The chart | shows       | the average number of commuters travelling each day by car, bus or train | in the UK | between 1970 and 2000.     |
| Viết lại | The chart | illustrates | how many people commuted daily by three different means of transport     | in the UK | over a period of 30 years. |
|          |           | compares    | figures for daily commuters by three different means of transport        |           | from 1970 to 2000.         |

Mở bài hoàn thiện: ***"The chart illustrates how many people commuted daily by three different means of transport in the UK over a period of 30 years."***

Hoặc ***"The graph compares figures for daily commuters by three different means of transport in the UK from 1970 to 2000."***

**Note: Tips để viết lại phần WHAT của đề bài:**

Phần **"WHAT"** là đối tượng chính mà đề bài nhắc tới, và đây cũng là phần quan trọng nhất để viết lại.



đối với học sinh.

Một số phương pháp thường dùng để paraphrase "WHAT":

| Cách paraphrase thường dùng                                                                                                                                                                                                 | Ví dụ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| The number of + countable noun (plural)<br>= how many + countable noun (plural) + verb                                                                                                                                      | The chart shows the number of young males and females playing sports in 2000.<br>= The chart shows how many young men and women played sports in 2000.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
| The amount of + uncountable noun<br>= how much + uncountable noun + verb                                                                                                                                                    | The chart illustrates the amount of electricity produced from three sources in 2010.<br>= The chart illustrates how much electricity was produced from three sources in 2010.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
| The percentage of + noun (countable or uncountable)<br>= the proportion of + noun (countable or uncountable)                                                                                                                | The chart shows the percentage of men and women participating in soccer.<br>= The chart illustrates the proportion of male and female participants in soccer.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
| The figure/figures for + N (countable or uncountable)<br>"The figure/figures for" được dùng hầu hết trong các trường hợp. Để nói về danh từ đếm được số nhiều, danh từ không đếm được hay tỉ lệ đều dùng được "figures for" | - The chart shows the number of young males and females playing sports in 2000.<br>= The chart shows figures for young men and women playing sports in 2000.<br>- The chart illustrates the amount of electricity produced from three sources in 2010.<br>= The chart illustrates figures for electricity production from three sources in 2010.<br>- The chart shows the percentage of women participating in soccer.<br>→ The chart illustrates figures for soccer participation among females. |

## Bước 2.2 Xác định các ý sẽ cho vào phần Overview

- Nhìn biểu đồ, tìm ra một hay hai điểm đáng chú ý nhất của biểu đồ (xu hướng của các đường, đối tượng nào có số liệu nổi bật,...)
- Viết từ 1 – 2 câu tóm tắt lại hai đặc điểm ấy.
- Không đưa số liệu cụ thể vào phần này (để lại sẽ viết ở phần thân bài)

Ví dụ một số từ ngữ gợi ý cho việc viết câu tổng quan về đặc điểm chính của biểu đồ:

"Overall, It is evident/ obvious/ apparent/ clear that..."

**Chú ý:**

**Không dùng đại từ nhân xưng như "As you can see from the chart,..." hoặc "We can see that..."**

## Bước 2.3 Lựa chọn, nhóm thông tin vào 2 đoạn Detail

Đề bài của Task 1 luôn có câu ***"Summarise the information by selecting and reporting the main features, and make comparisons where relevant."***

Thông tin và số liệu trong một biểu đồ thường rất nhiều, thí sinh không thể đề cập đến hết các số liệu đó mà cần "selecting and reporting the main features" – lựa chọn và báo cáo các số liệu chính, và "make comparisons where relevant" – so sánh khi cần thiết.

Nói chung, thí sinh cần lựa chọn số liệu và nhóm chúng một cách hợp lý vào 2 đoạn detail. Cách lựa chọn ý chính để viết trong Overview (bước 3) và cách chia thông tin hợp lý vào 2 đoạn detail tùy thuộc vào dạng bài và sẽ được giới thiệu chi tiết trong những Chương sau.

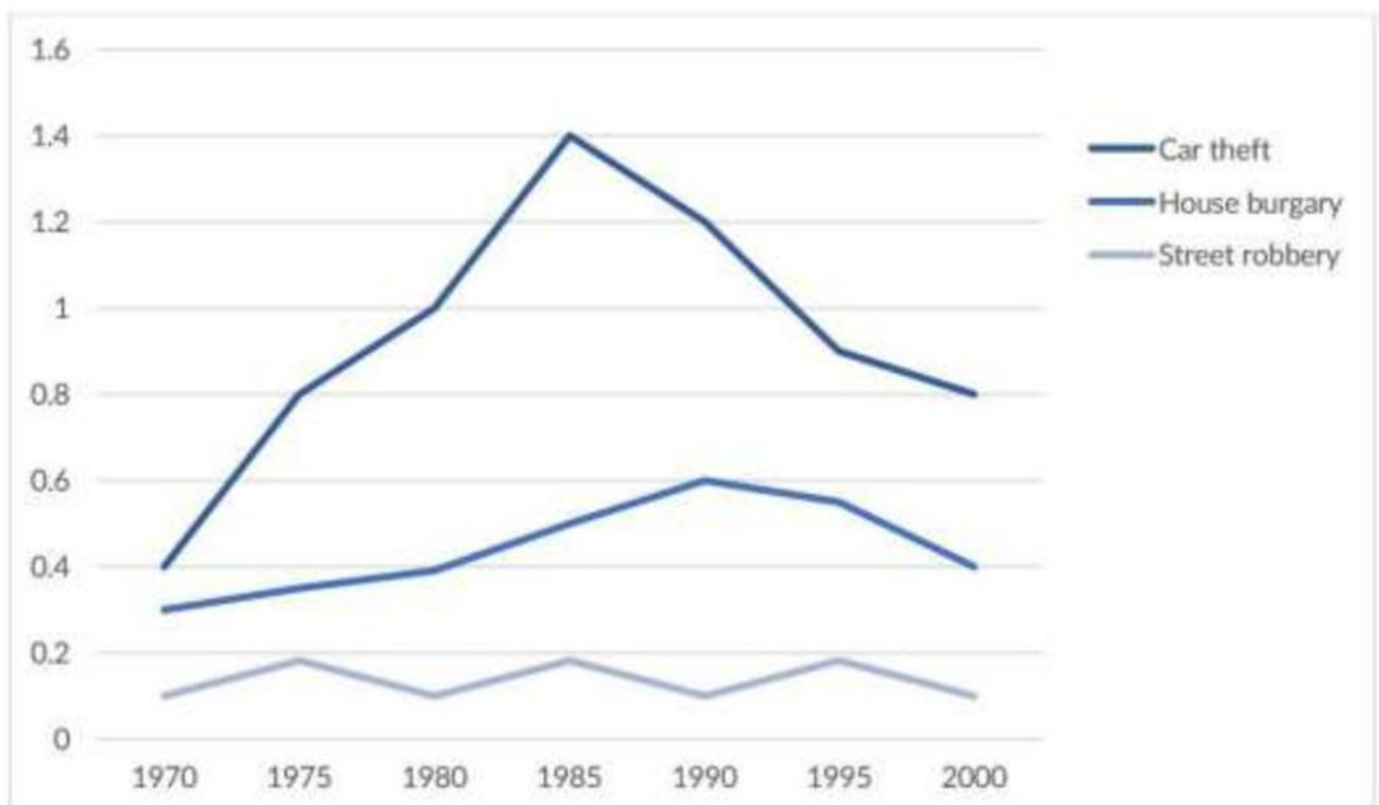
**Bước 3: Hoàn thiện bài viết sau khi chúng ta đã có đầy đủ các thông tin cần thiết từ các bước trên.**



# Practice

## Bài 1: Phân tích các biểu đồ sau

**Biểu đồ 1.** The line graph shows the percentages of 3 types of crime: car theft, house burglary & street robbery in England & Wales from 1970 to 2015.



• Đối tượng (chủ ngữ) là gì?

.....

.....

• Đơn vị là gì?

.....

.....

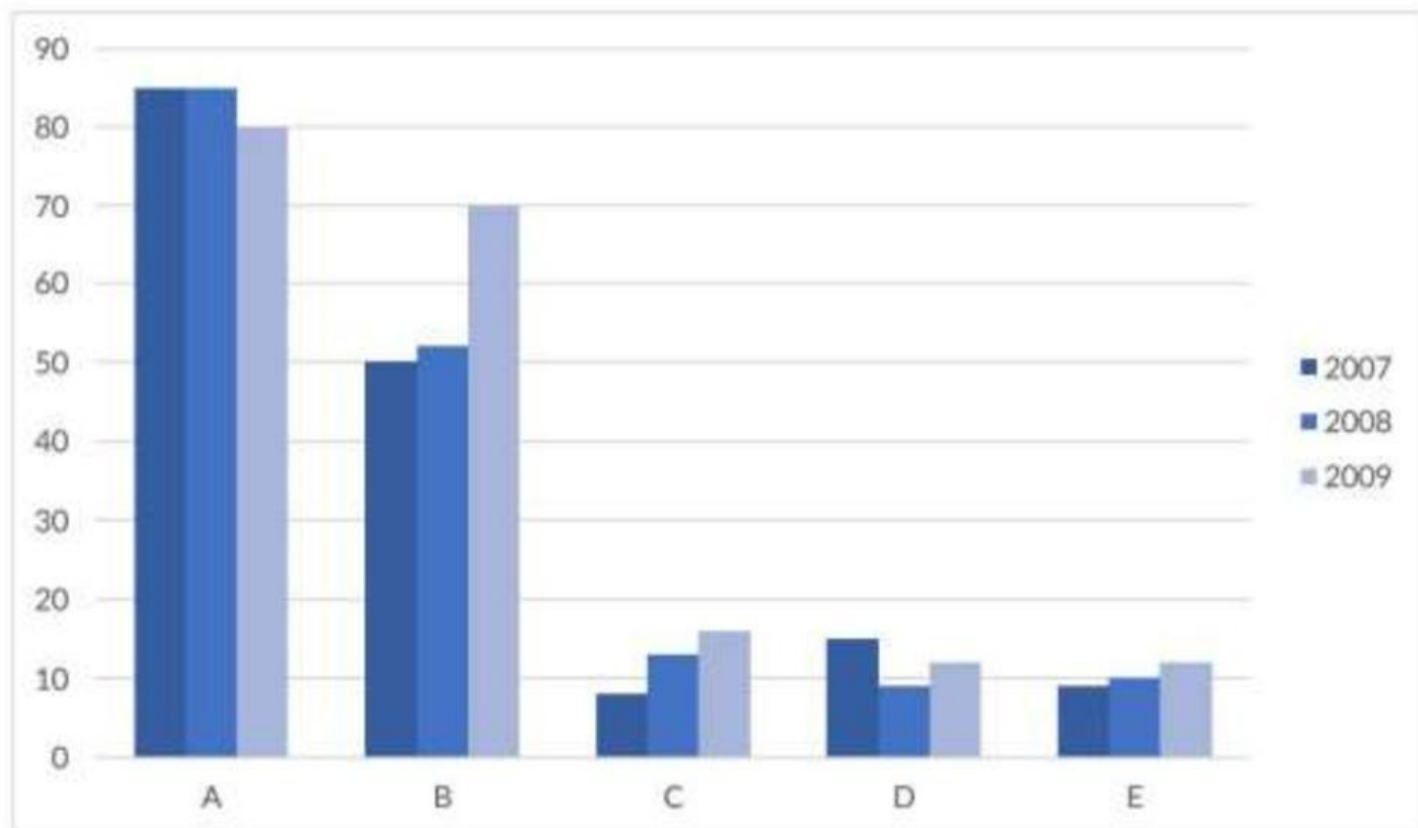
• Có mốc hay khoảng thời gian không? Thì của động từ?

.....

.....



**Biểu đồ 2.** The chart below shows the number of films produced in five countries over three years.



• Đối tượng (chủ ngữ) là gì?

---

---

---

---

• Đơn vị là gì?

---

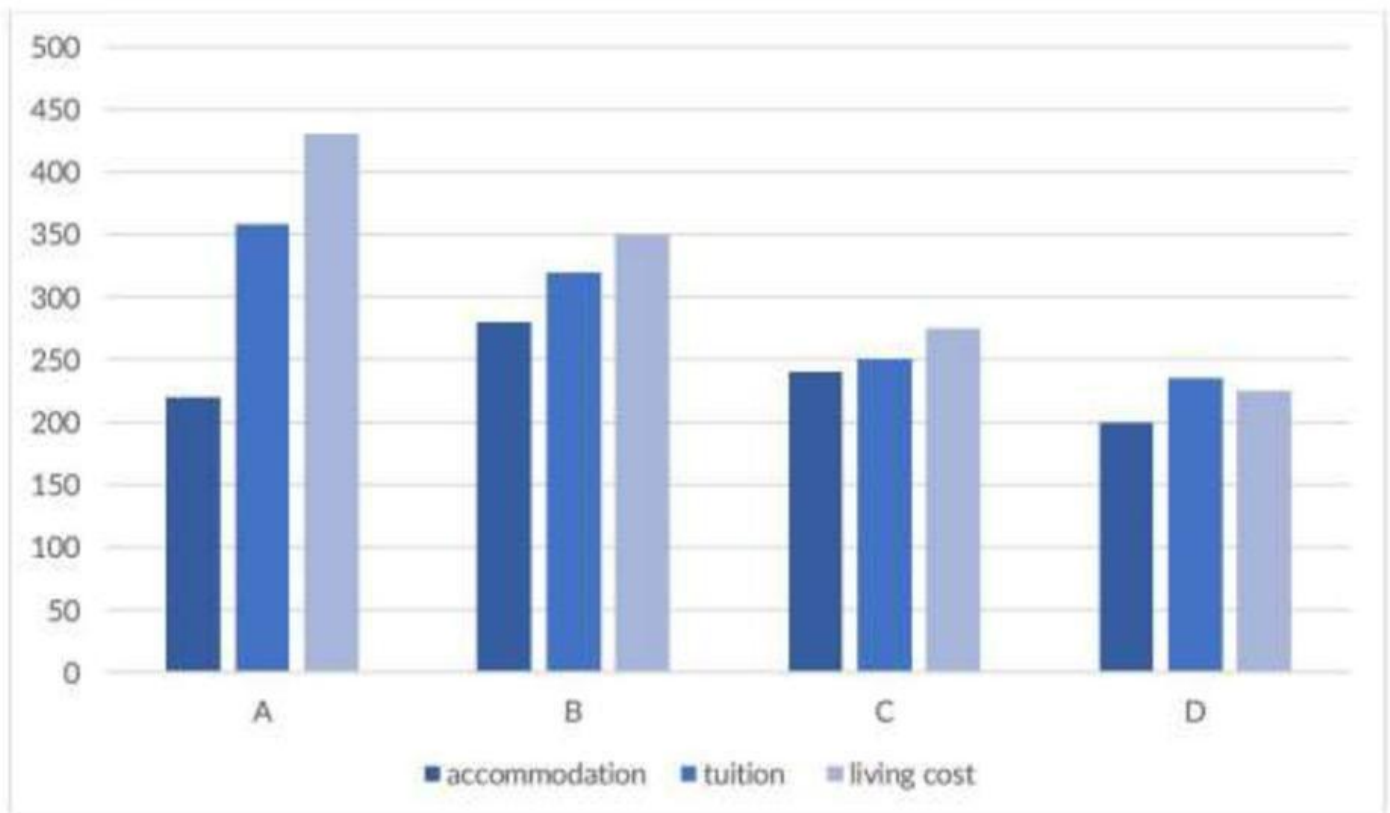
---

• Có mốc hay khoảng thời gian không? Thì của động từ?

---

---

**Biểu đồ 3.** The chart below shows the average amount of money spent by students per week while studying abroad in 4 countries.



• Đối tượng (chủ ngữ) là gì?

.....

.....

.....

.....

• Đơn vị là gì?

.....

.....

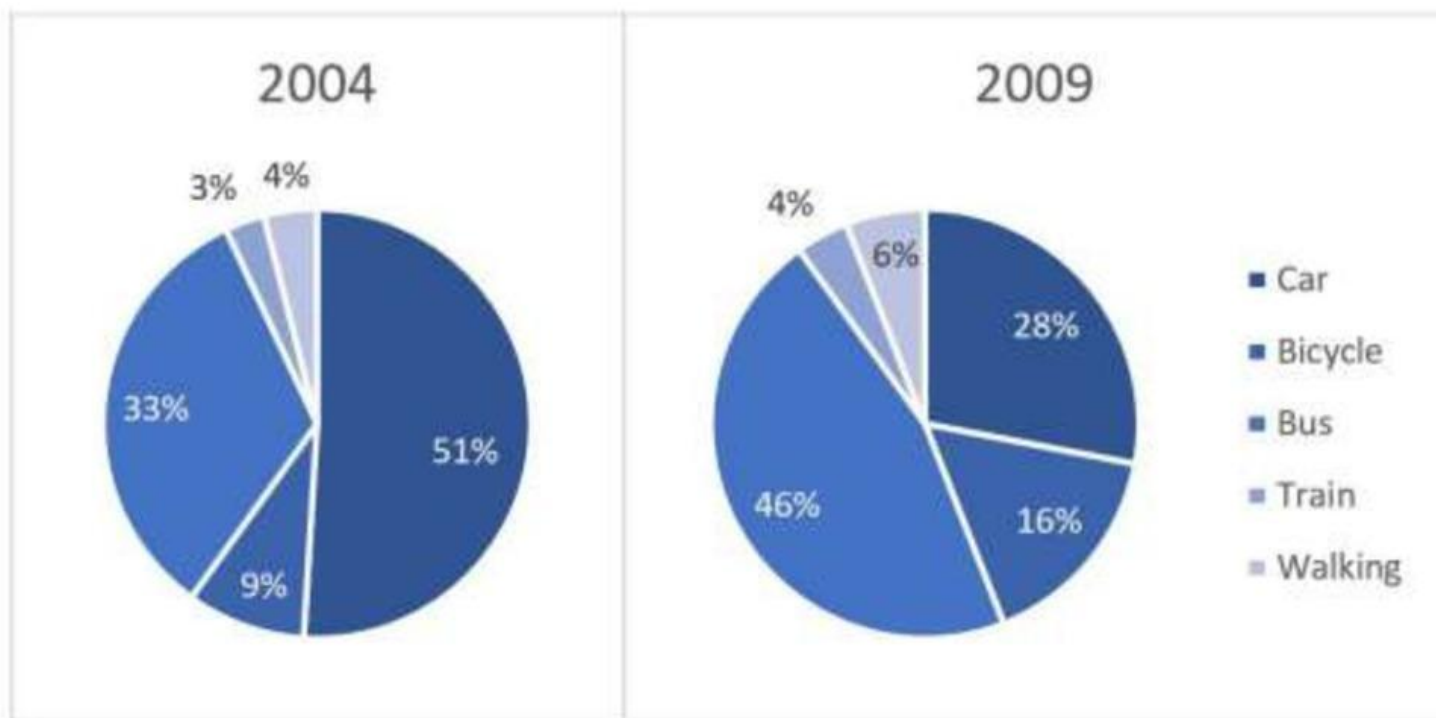
• Có mốc hay khoảng thời gian không? Thì của động từ?

.....

.....



**Biểu đồ 4. The charts show the main methods of transport of people travelling to one university in 2004 and 2009.**



• Đối tượng (chủ ngữ) là gì?

.....

.....

.....

.....

• Đơn vị là gì?

.....

.....

• Có mốc hay khoảng thời gian không? Thì của động từ?

.....

.....

**Biểu đồ 5. The charts show the main methods of transport of people travelling to one university in 2004 and 2009.**

|                             | 1911       | 1961       | 2011       |
|-----------------------------|------------|------------|------------|
| Total Population (Millions) | 36,070,364 | 46,196,200 | 56,065,700 |
| % People aged 15            | 1.86%      | 1.48%      | 1.23%      |
| Females aged 15             | 335,730    | 333,900    | 333,700    |
| Males aged 15               | 334,241    | 349,400    | 354,400    |
| % People aged 75            | 0.23%      | 0.55%      | 0.70%      |
| Females aged 75             | 47,351     | 254,900    | 210,100    |
| Males aged 75               | 34,012     | 160,200    | 181,300    |

• Đối tượng (chủ ngữ) là gì?

.....

.....

• Đơn vị là gì?

.....

.....

• Có mốc hay khoảng thời gian không? Thì của động từ?

.....

.....

## Bài 2: Viết lại các đề bài ở bài 1

1. The line graph shows the percentage of 3 types of crime: car theft, house burglary & street robbery in England & Wales from 1970 to 2015

→ .....

.....

2. The chart below shows the number of films produced in five countries over three years.

→ .....

.....

3. The chart below shows the average amount of money spent by students per week while studying abroad in 4 countries.

→ .....

.....

4. The charts show the main methods of transport of people travelling to one university in 2004 and 2009.

→ .....

.....

5. The table shows the proportion of female and male aged 15 and aged 75 from 1911 to 2001 in the UK

→ .....

.....